

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I - NĂM 2019

Gồm:

- Báo cáo Tình hình tài chính riêng
- Báo cáo Kết quả hoạt động riêng
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
- Công văn giải trình biến động kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		213,446,543,834	64,667,620,126
I. Tài sản tài chính	110		212,582,378,909	64,348,447,235
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	1	178,586,620,252	19,245,318,486
1.1. Tiền	111.1		3,086,620,252	1,145,318,486
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		175,500,000,000	18,100,000,000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	3.1	4,859,093,980	20,034,380,770
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	3.2	25,000,000,000	15,000,000,000
4. Các khoản cho vay	114	3.3		75,000,000
7. Các khoản phải thu	117		40,001,045,914	37,771,740,530
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	4a	39,190,633,584	37,510,206,284
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4b	810,412,330	261,534,246
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		810,412,330	261,534,246
8. Trả trước cho người bán	118	4c	1,628,969,064	
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4d	14,148,931	9,732,213,733
12. Các khoản phải thu khác	122	4e	378,954,816,854	378,952,109,802
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	5	(416,462,316,086)	(416,462,316,086)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		864,164,925	319,172,891
1. Tạm ứng	131		152,600,000	32,400,000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	6a	711,564,925	286,772,891
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250-260)	200		6,678,800,090	6,966,439,530
I. Tài sản tài chính dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		533,584,469	597,762,575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	466,251,124	522,349,231
- Nguyên giá	222		4,705,754,529	4,705,754,529
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(4,239,503,405)	(4,183,405,298)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	67,333,345	75,413,344
- Nguyên giá	228		7,174,617,564	7,174,617,564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7,107,284,219)	(7,099,204,220)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		136,740,000	136,740,000
V. Tài sản dài hạn khác	250		6,008,475,621	6,231,936,955
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	9	8,000,000	306,387,800
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	6b	1,949,657,408	2,003,074,175
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	10	4,050,818,213	3,922,474,980
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		220,125,343,924	71,634,059,656

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		3,842,601,484	14,749,649,798
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		3,842,601,484	14,749,649,798
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	11		8,050,000,000
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	12	600,000	404,244,067
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	400,249,587	2,835,926,128
11. Phải trả người lao động	323		698,736,827	713,967,677
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	14	144,681,118	
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	15	958,072,293	1,085,085,614
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	16	1,640,261,659	1,660,426,312
II. Nợ phải trả dài hạn	340			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		216,282,742,440	56,884,409,858
I. Vốn chủ sở hữu	410		216,282,742,440	56,884,409,858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17.1	400,000,000,000	290,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400,000,000,000	240,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		400,000,000,000	240,000,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2			50,000,000,000
7. Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	417	17.2	(183,717,257,560)	(233,115,590,142)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(183,740,967,055)	(231,299,350,642)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đến cuối kỳ trước	417.1a		(181,299,350,642)	(222,548,691,902)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện phát sinh trong kỳ	417.1b		(2,441,616,413)	(8,750,658,740)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		23,709,495	(1,816,239,500)
- Lợi nhuận chưa thực hiện đến cuối kỳ trước	417.2a		(1,816,239,500)	95,102,529
- Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	417.2b		1,839,948,995	(1,911,342,029)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		220,125,343,924	71,634,059,656

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	18.1		1,058,856,940
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	18.2	40,000,000	24,000,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008		4,848,870,000	19,806,970,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		18.3	2,374,970,000	19,806,970,000
b. Tài sản tài chính chờ thanh toán		18.3	2,473,900,000	
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	18.4	3,000,000,000	3,000,000,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	18.5	1,065,784,480,000	1,175,217,350,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		533,576,460,000	757,731,600,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		531,698,180,000	416,911,450,000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		509,840,000	574,300,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	18.6	11,372,585,336	12,270,969,020
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		11,372,585,336	12,270,969,020
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	18.7	11,372,585,336	12,270,969,020
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		10,839,039,538	12,209,825,528
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		533,545,798	61,143,492
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	18.8	1,620,849,159	1,620,849,159

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019



NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
 Người lập



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Kế toán trưởng



TRẦN SƠN HẢI
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

QUÝ I - NĂM 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			Quý I	Lũy kế từ đầu năm	Quý I	Lũy kế từ đầu năm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2,096,794,599	2,096,794,599	5,223,635,950	5,223,635,950
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	19.1	144,605,454	144,605,454		
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	19.2	1,952,164,645	1,952,164,645	4,823,585,950	4,823,585,950
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	19.3	24,500	24,500	400,050,000	400,050,000
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	19.3	712,545,171	712,545,171	477,855,172	477,855,172
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	19.4	3,573,520	3,573,520	30,615,636	30,615,636
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	19.5	134,746,851	134,746,851	1,097,956,134	1,097,956,134
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	19.5	320,000,000	320,000,000	54,545,455	54,545,455
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	19.5	97,591,316	97,591,316	96,719,408	96,719,408
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	19.5			84,673	84,673
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	19.5	33,000,000	33,000,000	46,000,000	46,000,000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 --> 11)	20		3,398,251,457	3,398,251,457	7,027,412,428	7,027,412,428
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		1,339,921,689	1,339,921,689	3,409,234,740	3,409,234,740
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	19.1	1,227,706,039	1,227,706,039	256,443,750	256,443,750
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	19.2	112,215,650	112,215,650	3,152,790,990	3,152,790,990
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		174,909,909	174,909,909	332,515,203	332,515,203
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		735,414,355	735,414,355	969,331,806	969,331,806
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		136,012,522	136,012,522	111,192,176	111,192,176
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		445,395,250	445,395,250	6,000,000	6,000,000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 --> 32)	40	21	2,831,653,725	2,831,653,725	4,828,273,925	4,828,273,925

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			Quý I	Lũy kế từ đầu năm	Quý I	Lũy kế từ đầu năm
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	20	224,279,457	224,279,457	265,876,391	265,876,391
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 --> 44)	50		224,279,457	224,279,457	265,876,391	265,876,391
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	22	2,892,547,200	2,892,547,200	2,298,535,906	2,298,535,906
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	70		(2,101,670,011)	(2,101,670,011)	166,478,988	166,478,988
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
8.1. Thu nhập khác	71	23	1,500,002,593	1,500,002,593	26,143,636	26,143,636
8.2. Chi phí khác	72	24			13,061,869	13,061,869
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		1,500,002,593	1,500,002,593	13,081,767	13,081,767
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		(601,667,418)	(601,667,418)	179,560,755	179,560,755
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(2,441,616,413)	(2,441,616,413)	(1,491,234,205)	(1,491,234,205)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1,839,948,995	1,839,948,995	1,670,794,960	1,670,794,960
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(601,667,418)	(601,667,418)	179,560,755	179,560,755
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THỐNG	500		(25)	(25)	7	7
13.1.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		(25)	(25)	7	7
13.2.Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		(25)	(25)	7	7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019



NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng



TRẦN SƠN HẢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(601,667,418)	179,560,755
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(2,148,367,065)	(371,329,172)
- Khấu hao TSCĐ	03		64,178,106	71,396,856
- Dự thu tiền lãi	08		(712,545,171)	(442,726,028)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		(1,500,000,000)	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		112,215,650	3,152,790,990
Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		112,215,650	3,152,790,990
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(1,952,164,645)	(4,823,585,950)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(1,952,164,645)	(4,823,585,950)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		3,931,285,244	(11,617,650,265)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		17,015,235,785	(10,058,122,250)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(10,000,000,000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		75,000,000	(347,719,734)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(1,680,427,300)	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		163,667,087	110,035,788
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		9,718,064,802	(387,496,605)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(2,707,052)	(22,380)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(248,543,233)	(196,061,922)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(6,677,013,321)	98,059,407
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(371,375,267)	(231,947,399)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(2,032,613,131)	990,000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		144,681,118	13,461,432
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(2,435,676,541)	(1,018,558,018)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(15,230,850)	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(20,164,653)	399,731,416
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		298,387,800	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(658,698,234)	(13,480,213,642)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		160,000,000,000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		160,000,000,000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		159,341,301,766	(13,480,213,642)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	1	19,245,318,486	399,014,392,685
- Tiền	101.1		1,145,318,486	2,114,392,685
- Các khoản tương đương tiền	101.2		18,100,000,000	396,900,000,000
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	1	178,586,620,252	385,534,179,043
- Tiền	103.1		3,086,620,252	534,179,043
- Các khoản tương đương tiền	103.2		175,500,000,000	385,000,000,000

PHÂN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		73,219,914,500	279,783,645,900
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		-	(130,386,972,300)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		17,431,082,126	56,404,887,901
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(91,451,788,994)	(207,364,814,702)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(97,591,316)	(96,719,408)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(898,383,684)	(1,659,972,609)
				-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	18.6	12,270,969,020	23,067,607,138
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		12,270,969,020	23,067,607,138
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		12,270,969,020	23,067,607,138
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	18.6	11,372,585,336	21,407,634,529
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		11,372,585,336	21,407,634,529
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		11,372,585,336	21,407,634,529

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019



NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng



TRẦN SƠN HẢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Tầng 3, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TP. HCM

Mẫu số B04 - CTCK
Ban hành theo TT số 334 /2016/TT-BTC
ngày 27/12 /2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý I - Năm 2019

Đơn vị tính : VND

CHI TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2018	Ngày 01/01/2019	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/03/2018	Ngày 31/03/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				3	4	5	6		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	290,000,000,000	290,000,000,000			160,000,000,000	(50,000,000,000)	290,000,000,000	400,000,000,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		240,000,000,000	240,000,000,000			160,000,000,000		240,000,000,000	400,000,000,000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		50,000,000,000	50,000,000,000				(50,000,000,000)	50,000,000,000	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1,047,890,198						1,047,890,198	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	(222,453,589,373)	(233,115,590,142)	1,670,794,960	(1,491,234,205)	51,839,948,995	(2,441,616,413)	(222,274,028,618)	(183,717,257,560)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(222,548,691,902)	(231,299,350,642)		(1,491,234,205)	50,000,000,000	(2,441,616,413)	(224,039,926,107)	(183,740,967,055)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		95,102,529	(1,816,239,500)	1,670,794,960		1,839,948,995		1,765,897,489	23,709,495
		68,594,300,825	56,884,409,858	1,670,794,960	(1,491,234,205)	211,839,948,995	(52,441,616,413)	68,773,861,580	216,282,742,440



NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019

TRẦN SƠN HẢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên tiếng nước ngoài là Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
 - Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
 - Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 - Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
 - Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 03 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
 - Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- | | |
|------------------------|-----------------------|
| • Vốn pháp định | : 35.000.000.000 VND |
| • Vốn điều lệ | : 400.000.000.000 VND |
| Số cổ phiếu | : 40.000.000 cổ phiếu |
| Mệnh giá | : 10.000 VND/cổ phiếu |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-028) 3911 8014

Fax : (84-028) 3911 8015

Mã số thuế : 0304814339

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 18 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán Quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu "Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Hội đồng quản trị chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

c) **Ngừng ghi nhận tài sản tài chính**

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
- + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
- + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục "Chi phí hoạt động".

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

6. **Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê hoạt động

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đường truyền dẫn và chi phí khác.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

12. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ BHXH thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng BHXH cho mỗi nhân viên bằng 17,5% mức lương tham gia BHXH hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho BHXH hàng tháng.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng BHTN với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng BHTN của những người tham gia BHTN và 1% tiền lương, tiền công tháng đóng BHTN của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

15. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

16. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

V. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền	3,086,620,252	1,145,318,486
Tiền mặt tại quỹ	7,051,597	11,588,733
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	3,079,568,655	1,133,729,753
Các khoản tương đương tiền (i)	175,500,000,000	18,100,000,000
	178,586,620,252	19,245,318,486

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất tối đa 5,5% /năm (năm 2018: 5,5%/năm).

2. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỶ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Cổ phiếu)</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)</i>
a) Của CTCK	1,743,200	15,932,135,200
- Cổ phiếu	1,743,200	15,932,135,200
b) Của Nhà đầu tư	4,864,157	72,970,241,200
- Cổ phiếu	4,864,157	72,970,241,200
Cộng:	6,607,357	88,902,376,400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	1,835,384,485	1,859,093,980	18,850,620,270	17,034,380,770
BCG	1,022,758,373	1,051,750,000	2,922,166,795	2,770,000,000
DSP	803,400,000	805,254,000	1,170,000,000	1,215,000,000
HAG	-	-	5,812,227,363	4,538,400,000
HNG	-	-	4,740,000,000	4,800,000,000
GEX	-	-	1,320,000,000	1,329,000,000
DXG	-	-	2,877,000,000	2,380,000,000
Khác	9,226,112	2,089,980	9,226,112	1,980,770
Cổ phiếu chưa niêm yết	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
	4,835,384,485	4,859,093,980	21,850,620,270	20,034,380,770

3.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tài sản HTM	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Bản Việt	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000		
	25.000.000.000	25.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7% đến 7,4%/năm (năm 2018: 7%/năm).

3.3. Các khoản cho vay và phải thu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán			75.000.000	75.000.000
			75.000.000	75.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3.4. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối kỳ

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2019					01.01.2019				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản FVTPL	4,835,384,485	4,859,093,980	31,306,820	(7,597,325)	4,859,093,980	21,850,620,270	20,034,380,770	114,395,293	(1,930,634,793)	20,034,380,770
Cổ phiếu niêm yết	1,835,384,485	1,859,093,980	31,306,820	(7,597,325)	1,859,093,980	18,850,620,270	17,034,380,770	114,395,293	(1,930,634,793)	17,034,380,770
BCG	1,022,758,373	1,051,750,000	28,991,627	-	1,051,750,000	2,922,166,795	2,770,000,000	-	(152,166,795)	2,770,000,000
DXG	-	-	-	-	-	2,877,000,000	2,380,000,000	-	(497,000,000)	2,380,000,000
HAG	-	-	-	-	-	5,812,227,363	4,538,400,000	-	(1,273,827,363)	4,538,400,000
HNG	-	-	-	-	-	4,740,000,000	4,800,000,000	60,000,000	-	4,800,000,000
DSP	803,400,000	805,254,000	1,854,000	-	805,254,000	1,170,000,000	1,215,000,000	45,000,000	-	1,215,000,000
GEX	-	-	-	-	-	1,320,000,000	1,329,000,000	9,000,000	-	1,329,000,000
Khác	9,226,112	2,089,980	461,193	(7,597,325)	2,089,980	9,226,112	1,980,770	395,293	(7,640,635)	1,980,770
Cổ phiếu chưa niêm yết	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3.4. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối kỳ (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2019					01.01.2019				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm (i)	
Tài sản HTM	25,000,000,000	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	15,000,000,000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn cố định</i>	<i>25,000,000,000</i>	<i>25,000,000,000</i>	-	-	<i>25,000,000,000</i>	<i>15,000,000,000</i>	<i>15,000,000,000</i>	-	-	<i>15,000,000,000</i>
Ngân hàng TMCP Bản Việt	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	15,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10,000,000,000	10,000,000,000	-	-	10,000,000,000	-	-	-	-	-
TSTC cho vay	-	-	-	-	-	75,000,000	75,000,000	-	-	75,000,000
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	-	75,000,000	75,000,000	-	-	75,000,000
Tổng cộng	29,835,384,485	29,859,093,980	31,306,820	(7,597,325)	29,859,093,980	36,925,620,270	35,109,380,770	114,395,293	(1,930,634,793)	35,109,380,770

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu năm VND
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	39,190,633,584	37,510,206,284
- Phải thu hợp đồng hỗ trợ thanh toán (i)	37,510,206,284	37,510,206,284
- Phải thu bán tài sản tài chính FVTPL	1,680,427,300	
- Phải thu bán các TSTC khác	-	
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	810,412,330	261,534,246
- Phải thu lãi, cổ tức đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	-	
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	810,412,330	261,534,246
c) Trả trước người bán	1,628,969,064	
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	14,148,931	9,732,213,733
Phải thu hoạt động dịch vụ	2,048,931	5,220,113,733
Phải thu dịch vụ khác	12,100,000	4,512,100,000
<i>Trong đó, phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp</i>		<i>41,530,000</i>
e) Phải thu khác	378,954,816,854	378,952,109,802
Bà Huỳnh Thị Huyền Như (ii)	378,952,109,802	378,952,109,802
Các khoản phải thu khác	2,707,052	
	420,598,980,763	426,456,064,065

(i) Đây là các khoản phải thu theo các Hợp đồng Hỗ trợ thanh toán đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

(ii) Đây là khoản tiền liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, TAND cao cấp tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án phúc thẩm theo Bản án số 219/2018/HS-PT bị cáo bà Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông số tiền 380.000.000.000 VND. Năm 2018, Công ty đã quyết định sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với số tiền là 1.047.890.198 VND để bù đắp khoản thiệt hại của khoản tiền gửi này, số tiền còn lại sau khi bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 378.952.109.802 VND đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này (xem Thuyết minh số V.5).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

5. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	31/03/2019				
			01/01/2019	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	31/03/2019	
Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	37,510,206,284	7a	37,510,206,284	-	-	37,510,206,284	37,510,206,284
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37,510,206,284		37,510,206,284	-	-	37,510,206,284	37,510,206,284
Dự phòng khó đòi phải thu khác	378,952,109,802		378,952,109,802	378,952,109,802	-	378,952,109,802	378,952,109,802
Huỳnh Thị Huyền Như	378,952,109,802		378,952,109,802	378,952,109,802	-	378,952,109,802	378,952,109,802
	416,462,316,086		416,462,316,086	378,952,109,802	-	416,462,316,086	416,462,316,086

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	711,564,925	286,772,891
Chi phí thuê đường truyền dẫn	287,635,195	34,557,300
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	6,551,700	9,827,550
Chi phí quản lý thành viên	59,999,996	-
Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	1,212,000	49,298,018
Chi phí công cụ dụng cụ	230,957,851	73,188,423
Chi phí thuê văn phòng	119,901,600	119,901,600
Chi phí ngắn hạn khác	5,306,583	-
b) Dài hạn	1,949,657,408	2,003,074,175
Chi phí cải tạo văn phòng	1,295,159,086	1,377,828,811
Chi phí vật dụng văn phòng	363,332,219	269,412,145
Chi phí thuê đường truyền dẫn	138,416,103	193,333,219
Chi phí dài hạn khác	152,750,000	162,500,000
	2,661,222,333	2,289,847,066

7. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	270,600,000	940,454,545	3,494,699,984	4,705,754,529
- Mua trong kỳ				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm trong kỳ				-
Số dư cuối kỳ	270,600,000	940,454,545	3,494,699,984	4,705,754,529
Trong đó:				
Đã khấu hao hết			3,494,699,984	3,494,699,984
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	22,550,000	666,155,314	3,494,699,984	4,183,405,298
- Khấu hao trong kỳ	16,912,500	39,185,607	-	56,098,107
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm trong kỳ				-
Số dư cuối kỳ	39,462,500	705,340,921	3,494,699,984	4,239,503,405
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	248,050,000	274,299,231	-	522,349,231
Tại ngày cuối kỳ	231,137,500	235,113,624	-	466,251,124

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Tại ngày đầu năm	-	-	3,544,929,750	3,544,929,750
Tại ngày cuối kỳ	-	-	3,494,699,984	3,494,699,984

8. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm.

	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7,174,617,564	7,174,617,564
Tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	7,174,617,564	7,174,617,564
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết</i>	<i>7,013,017,564</i>	<i>7,013,017,564</i>
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7,099,204,220	7,099,204,220
Khấu hao trong kỳ	8,079,999	8,079,999
Số dư cuối kỳ	7,107,284,219	7,107,284,219
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	75,413,344	75,413,344
Tại ngày cuối kỳ	67,333,345	67,333,345
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.013.017.564	7.013.017.564

9. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Ký quỹ thuê văn phòng		298,387,800
Ký quỹ sử dụng taxi	8,000,000	8,000,000
	8,000,000	306,387,800

10. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước, nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	3,802,474,980	3,660,493,058
Tiền lãi phân bổ	199,728,173	219,394,377
Tiền lãi nhận được	(71,384,940)	(77,412,455)
	4,050,818,213	3,922,474,980

11. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN.

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả CTCP Mua bán nợ Thẻ Hệ Mới		5,200,000,000
Phải trả hoạt động môi giới trái phiếu	-	2,850,000,000
	-	8,050,000,000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	600,000	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Trang trí nội thất Vượng Hoàng	-	237,642,213
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật Niềm Tin Mới	-	166,601,854
	600,000	404,244,067

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>STT</i>	<i>Chi tiêu</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i>
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2,542,399,234	84,370,253	2,542,399,234	84,370,253
2	Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	283,175,827	312,074,789	283,175,827	312,074,789
3	Thuế giá trị gia tăng	10,351,067	3,804,545	10,351,067	3,804,545
4	Thuế môn bài		3,000,000	3,000,000	
		2,835,926,128	403,249,587	2,838,926,128	400,249,587

14. CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP PHÚC LỢI NHÂN VIÊN

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội	94,605,000	
Bảo hiểm y tế	16,695,000	
Bảo hiểm thất nghiệp	9,029,424	
Kinh phí công đoàn	24,351,694	
	144,681,118	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	15,000,000	97,000,000
Chi phí Thù lao HĐQT	671,161,602	709,599,002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219,497,994	213,073,606
Phí giao dịch, lưu ký	52,412,697	65,413,006
	958,072,293	1,085,085,614

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19,412,500	19,412,500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1,620,849,159	1,620,849,159
Phải trả, phải nộp khác	-	20,164,653
	1,640,261,659	1,660,426,312

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
1 Vốn góp của chủ sở hữu (i)	400,000,000,000	240,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>400,000,000,000</i>	<i>240,000,000,000</i>
2 Thặng dư vốn cổ phần		50,000,000,000
	400,000,000,000	290,000,000,000

(i) Vào ngày 11.01.2019, Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho các Nhà đầu tư để tăng vốn điều lệ, theo Tờ trình 01/2019-TT-HĐQT và nghị quyết số 01/2019-NQ-ĐHĐCĐ 11.01.2019. Cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 16.000.000 Cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng / Cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 160.000.000.000 đồng

Sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ thành công, ORS đã báo cáo UBCK và đã được UBCK xác nhận theo công văn số 1652/UBCK-QLKD ngày 15.03.2019.

17.2. Lỗ lũy kế

	Cuối kỳ	Đầu năm
Lỗ lũy kế đầu năm	(233,115,590,142)	(222,453,589,373)
Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế (ii)	50,000,000,000	
Lỗ đã thực hiện đến kỳ báo cáo	(2,441,616,413)	(8,750,658,740)
Lỗ/lãi chưa thực hiện đến kỳ báo cáo	1,839,948,995	(1,911,342,029)
	(183,717,257,560)	(233,115,590,142)

(ii) Vào ngày 11.01.2019, Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua việc sử dụng nguồn vốn thặng dư để bù đắp lỗ lũy kế với số tiền là 50 tỷ đồng, theo Tờ trình 03/2019-TT-HĐQT và nghị quyết số 01/2019-NQ-ĐHĐCĐ 11.01.2019

18. THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

18.1. Nợ khó đòi đã xử lý

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		450.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn		567.326.941
Phải thu khác khó đòi		41.529.999
		1.058.856.940

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

18.2. Cổ phiếu đang lưu hành

	<i>Số dư cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số dư đầu năm Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	40,000,000	24,000,000

18.3. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của công ty chứng khoán (Theo mệnh giá)

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2,374,970,000	19,806,970,000
Sàn HOSE	1,750,670,000	18,900,670,000
Sàn Upcom	624,300,000	906,300,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2,473,900,000	-
Sàn HOSE	2,473,900,000	-
	4,848,870,000	19,806,970,000

18.4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (Theo mệnh giá)

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Cổ phiếu	3,000,000,000	3,000,000,000
	3,000,000,000	3,000,000,000

18.5. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư (Theo mệnh giá)

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	53,357,646	533,576,460,000	75,773,160	757,731,600,000
Tài sản tài chính phụng tỏa, tạm giữ	53,169,818	531,698,180,000	41,691,145	416,911,450,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	50,984	509,840,000	57,430	574,300,000
	106,578,448	1,065,784,480,000	117,521,735	1,175,217,350,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

18.6. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	10,839,039,538	12,209,825,528
Của Nhà đầu tư nước ngoài	533,545,798	61,143,492
	11,372,585,336	12,270,969,020

18.7. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	10,839,039,538	12,209,825,528
Của Nhà đầu tư nước ngoài	533,545,798	61,143,492
	11,372,585,336	12,270,969,020

18.8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1,620,849,159	1,620,849,159
	1,620,849,159	1,620,849,159

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

19. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

19.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
I Lãi bán FVTPL							
a) Năm 2019							
a.1) Quý I - Năm 2019	471,260		5,533,518,400	5,388,912,946	144,605,454		
BCG	236,050	6,027	1,422,672,400	1,379,554,946	43,117,454		
DSP	28,200	13,473	379,930,000	366,600,000	13,330,000		
GEX	60,000	22,667	1,360,000,000	1,320,000,000	40,000,000		
HNG	147,010	16,128	2,370,916,000	2,322,758,000	48,158,000		
a.2) Lãi lũy kế đến Q1.2019	471,260		5,533,518,400	5,388,912,946		144,605,454	
BCG	236,050	6,027	1,422,672,400	1,379,554,946		43,117,454	
DSP	28,200	13,473	379,930,000	366,600,000		13,330,000	
GEX	60,000	22,667	1,360,000,000	1,320,000,000		40,000,000	
HNG	147,010	16,128	2,370,916,000	2,322,758,000		48,158,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

19.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
II Lỗ bán FVTPL							
a) Năm 2019							
a.1) Quý I - Năm 2019	1,271,940		10,398,616,800	11,626,322,839	(1,227,706,039)		
BCG	88,950	5,614	499,347,800	519,853,476	(20,505,676)		
DXG	100,000	24,950	2,495,000,000	2,877,000,000	(382,000,000)		
HAG	930,000	5,379	5,002,826,000	5,812,227,363	(809,401,363)		
HNG	152,990	15,697	2,401,443,000	2,417,242,000	(15,799,000)		
a.2) Lũy kế đến Q1.2019	1,271,940		10,398,616,800	11,626,322,839		(1,227,706,039)	
BCG	88,950	5,614	499,347,800	519,853,476		(20,505,676)	
DXG	100,000	24,950	2,495,000,000	2,877,000,000		(382,000,000)	
HAG	930,000	5,379	5,002,826,000	5,812,227,363		(809,401,363)	
HNG	152,990	15,697	2,401,443,000	2,417,242,000		(15,799,000)	
b) Năm 2018							
b.1) Quý I - Năm 2018	190,000		1,503,060,000	1,759,503,750			(256,443,750)
HAG	50,000	6,760	338,000,000	372,523,750			(34,523,750)
SD9	140,000	8,322	1,165,060,000	1,386,980,000			(221,920,000)
b.2) Lũy kế đến Q1.2018	190,000		1,503,060,000	1,759,503,750			(256,443,750)
HAG	50,000	6,760	338,000,000	372,523,750			(34,523,750)
SD9	140,000	8,322	1,165,060,000	1,386,980,000			(221,920,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

19.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kể từ đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán lũy kể đến kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	4,835,384,485	4,859,093,980	23,709,495	(1,816,239,500)	1,839,948,995	1,952,164,645	(112,215,650)
1	Cổ phiếu niêm yết	1,835,384,485	1,859,093,980	23,709,495	(1,816,239,500)	1,839,948,995	1,952,164,645	(112,215,650)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	25,000,000,000	25,000,000,000	-	-	-	-	-
	Công cụ thị trường tiền tệ	25,000,000,000	25,000,000,000					
		29,835,384,485	29,859,093,980	23,709,495	(1,816,239,500)	1,839,948,995	1,952,164,645	(112,215,650)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

19.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ này	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ này
Từ tài sản FVTPL	24,500	24,500	400,050,000	400,050,000
Từ các khoản đầu tư HTM	712,545,171	712,545,171	477,855,172	477,855,172
	712,569,671	712,569,671	877,905,172	877,905,172

19.4. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ này	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ này
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	3,573,520	3,573,520	30,615,636	30,615,636
	3,573,520	3,573,520	30,615,636	30,615,636

19.5. Doanh thu ngoài thu nhập từ tài sản tài chính

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	134,746,851	134,746,851	1,097,956,134	1,097,956,134
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	320,000,000	320,000,000	54,545,455	54,545,455
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	97,591,316	97,591,316	96,719,408	96,719,408
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	-	84,673	84,673
Doanh thu khác	33,000,000	33,000,000	46,000,000	46,000,000
	585,338,167	585,338,167	1,295,305,670	1,295,305,670

(*) Doanh thu khác là doanh thu quản lý cổ đông, doanh thu dịch vụ báo giá cổ phiếu chưa niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	224,279,457	224,279,457	265,876,391	265,876,391
	224,279,457	224,279,457	265,876,391	265,876,391

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
1 Chi phí hoạt động tự doanh	1,514,831,598	1,514,831,598	3,741,749,943	3,741,749,943
- Lãi bán tài sản tài chính	1,227,706,039	1,227,706,039	256,443,750	256,443,750
- Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính	112,215,650	112,215,650	3,152,790,990	3,152,790,990
- Chi phí quản lý hoạt động tự doanh	174,909,909	174,909,909	332,515,203	332,515,203
2 Chi phí hoạt động môi giới	735,414,355	735,414,355	969,331,806	969,331,806
3 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	445,395,250	445,395,250	6,000,000	6,000,000
4 Chi phí lưu ký chứng khoán	136,012,522	136,012,522	111,192,176	111,192,176
	2,831,653,725	2,831,653,725	4,828,273,925	4,828,273,925

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
1 Chi phí lương và các khoản phụ cấp	1,440,833,753	1,440,833,753	1,290,705,849	1,290,705,849
2 Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	119,254,418	119,254,418	97,898,854	97,898,854
3 Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	3,232,310	3,232,310	1,835,968	1,835,968
4 Chi phí công cụ, dụng cụ	71,218,667	71,218,667	126,181,595	126,181,595
5 Chi phí khấu hao TSCĐ	39,760,174	39,760,174	36,504,084	36,504,084
6 Chi phí thuế, phí và lệ phí	1,833,334	1,833,334	1,800,000	1,800,000
7 Chi phí thuê văn phòng	117,557,041	117,557,041	209,435,454	209,435,454
8 Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	109,338,335	109,338,335	209,131,019	209,131,019
9 Chi phí mua ngoài khác	320,601,607	320,601,607	196,857,859	196,857,859
10 Chi phí khác	668,917,561	668,917,561	128,185,224	128,185,224
	2,892,547,200	2,892,547,200	2,298,535,906	2,298,535,906

23. THU NHẬP KHÁC

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
1 Thu nhập từ giảm chi phí hoa hồng môi giới của năm trước	1,500,000,000	1,500,000,000		
2 Thu nhập khác	2,593	2,593	26,143,636	26,143,636
	1,500,002,593	1,500,002,593	26,143,636	26,143,636

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

24. CHI PHÍ KHÁC

	QUÝ I - 2019		QUÝ I - 2018	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
Chi phí khác	-	-	13,061,869	13,061,869
	-	-	13,061,869	13,061,869

THÔNG TIN KHÁC

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019

NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ

Người lập

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN SƠN HẢI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị